

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Mai Hoàng Long	Phụ trách HĐQT
2. Ông Trần Thế Hùng	Thành viên
3. Bà Trần Thị Thu Nga	Thành viên
4. Ông Đỗ Khánh Dư	Thành viên
5. Bà Phạm Thị Quyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Trần Thế Hùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm lại ngày 02 tháng 07 năm 2024)
2. Ông Nguyễn Hoàng Thanh	Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Trần Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Mai Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Bà Trần Thị Xuân	Trưởng ban
2. Ông Diệp Anh Tuấn	Thành viên
3. Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Trần Thế Hùng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thế Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 033106/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở của ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2023-072-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025



Kiều Mạnh Long
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5727-2023-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		217.869.077.227	156.003.842.326
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.413.052.208	9.705.023.669
1. Tiền	111	V.1	27.413.052.208	9.705.023.669
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.370.375.634	9.528.679.417
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.370.375.634	9.528.679.417
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.157.168.808	115.126.037.999
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	151.165.582.959	104.315.857.886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.018.630.595	4.697.552.352
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8.927.016.342	7.785.665.849
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.954.061.088)	(1.673.038.088)
IV. Hàng tồn kho	140		5.800.832.757	5.451.334.887
1. Hàng tồn kho	141	V.8	5.800.832.757	5.451.334.887
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.127.647.820	16.192.766.354
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	917.314.864	1.074.737.384
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.149.016.627	15.041.368.763
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16a	61.316.329	76.660.207
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		224.982.168.425	230.157.057.541
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.795.350.000	6.085.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.795.350.000	6.085.000.000
II. Tài sản cố định	220		179.245.484.735	155.543.753.706
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	123.894.092.617	119.780.190.119
- Nguyên giá	222		210.870.979.575	189.041.158.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.976.886.958)	(69.260.968.860)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	52.879.344.446	35.209.310.620
- Nguyên giá	225		58.030.608.270	37.501.536.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.151.263.824)	(2.292.225.817)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.472.047.672	554.252.967
- Nguyên giá	228		4.199.170.000	2.071.170.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.727.122.328)	(1.516.917.033)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.291.433.512	20.141.695.812
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.291.433.512	20.141.695.812
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.809.371.733	7.328.164.917
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	10.809.371.733	7.328.164.917
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.840.528.445	41.058.443.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	24.840.528.445	41.058.443.106
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		442.851.245.652	386.160.899.867

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		364.856.875.145	313.697.098.523
I. Nợ ngắn hạn	310		278.646.455.285	204.168.386.234
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	66.468.065.434	87.895.719.412
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.468.048.341	909.655.934
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V.16b	9.117.348.336	7.739.333.587
4. Phải trả người lao động	314		6.290.286.627	4.776.754.544
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	14.378.477.376	13.091.113.478
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	5.488.126.900	5.111.753.891
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	175.429.547.926	84.637.501.043
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.554.345	6.554.345
II. Nợ dài hạn	330		86.210.419.860	109.528.712.289
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	85.553.675.435	109.322.251.313
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		656.744.425	206.460.976
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.994.370.507	72.463.801.344
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	77.994.370.507	72.463.801.344
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.218.410.000	59.218.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.218.410.000	59.218.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		194.384.000	194.384.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.737.275.811	9.737.275.811
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.877.519.203	(506.364.091)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(506.364.091)	8.618.286.512
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.383.883.294	(9.124.650.603)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.966.781.493	3.820.095.624
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		442.851.245.652	386.160.899.867


Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Phạm Thị Quyên
Kế toán trưởngTrần Thế Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	787.553.708.561	562.092.873.767
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		787.553.708.561	562.092.873.767
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	718.296.994.558	520.252.944.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.256.714.003	41.839.928.789
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.937.741.126	3.752.153.934
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.085.339.640	18.364.468.221
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.928.400.317	17.286.797.341
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(2.271.593.184)	(2.292.819.944)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.845.743.997	11.592.715.238
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	29.190.778.229	26.212.253.553
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.801.000.079	(12.870.174.233)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	736.817.290	6.666.594.629
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.483.130.390	1.105.137.651
14. Lợi nhuận khác	40		(746.313.100)	5.561.456.978
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.054.686.979	(7.308.717.255)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	3.073.834.367	768.283.459
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	450.283.449	10.816.914
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.530.569.163	(8.087.817.628)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		4.383.883.294	(9.124.650.603)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.146.685.869	1.036.832.975
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	740	(1.541)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	740	(1.541)


Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Phạm Thị Quyên
Kế toán trưởngTrần Thế Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	9.054.686.979	(7.308.717.255)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	21.028.944.263	20.452.353.022
Các khoản dự phòng	03	281.023.000	463.922.265
(Lãi)/Lỗ CLTG do ĐGL các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.202.743.510)	(989.388.628)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.411.325.178	(5.244.445.390)
Chi phí lãi vay	06	17.928.400.317	17.286.797.341
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.501.636.227	24.660.521.355
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(48.841.840.816)	19.238.681.073
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(349.497.870)	(3.477.274.250)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(11.180.330.503)	(17.045.592.766)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	16.375.337.181	(22.282.762.168)
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.866.732.667)	(16.409.610.901)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(637.521.084)	(2.691.017.266)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(472.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.998.949.532)	(18.479.054.923)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(21.207.998.652)	(33.747.998.642)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	11.929.846.834	9.622.891.660
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(7.111.696.217)	(6.359.578.272)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.270.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(5.752.800.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	490.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	585.794.494	295.855.087
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.286.853.541)	(29.698.830.167)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	307.004.920.964	208.666.171.960
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(249.889.273.160)	(179.988.900.927)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(11.418.370.221)	(8.236.132.054)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.142.239.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	45.697.277.583	13.298.899.158
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	16.411.474.510	(34.878.985.932)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.705.023.669	43.607.571.308
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.296.554.029	976.438.293
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	27.413.052.208	9.705.023.669


Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Phạm Thị Quyên
Kế toán trưởngTrần Thế Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần vận tải và Thương mại Đường sắt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Khách sạn Cây Xoài và Trung tâm dịch vụ Vận tải thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam, chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3676/2000/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2002. Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101206286 thay đổi lần thứ 20 ngày 08 tháng 06 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 59.218.410.000 đồng, tương đương với 5.921.841 cổ phần.

Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 25 tháng 08 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 59.218.410.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ, hai trăm mười tám triệu, bốn trăm mười nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCOM với mã RAT.

Trụ sở chính của Công ty: Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh vận tải, dịch vụ khách sạn, nhà hàng,...

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Dịch vụ kho, bãi; bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ bến xe; bãi đỗ xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng; kinh doanh du lịch lữ hành trong và ngoài nước; dịch vụ đưa đón, ăn nghỉ, tham quan, nghỉ mát, visa, hộ chiếu; mua bán rượu, bia, nước giải khát (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh thương mại; Đại lý vận chuyển hàng hóa bằng container;
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa trong và ngoài nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là kinh doanh vận tải, dịch vụ khách sạn, nhà hàng...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các Công ty con (sở hữu trực tiếp) sau:

STT Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	Hà Nội	51%	Cung cấp Tour du lịch, lữ hành, vận tải hành khách
2. Công ty TNHH MTV Giao nhận vận chuyển Đường sắt Sài Gòn Ratraco	Bình Dương	100%	Hoạt động vận tải đường sắt
3. Công ty TNHH Giao nhận vận chuyển Đường sắt Hà Nội Ratraco	Hà Nội	60%	Hoạt động vận tải đường sắt
4. Công ty TNHH MTV Thương mại Đường Sắt Ratraco	Hà Nội	100%	Quảng cáo, thương mại, dịch vụ vận tải đường sắt
5. Công ty TNHH Giải pháp vận tải Ratraco	Hồ Chí Minh	51%	Dịch vụ vận tải hàng hóa nội địa và liên vận quốc tế, đẩy mạnh xây dựng sản phẩm và chào bán hàng liên vận quốc tế
6. Công ty TNHH Thương mại Vận tải Phiếm Thái	Hà Nội	51%	Hoạt động vận tải đường sắt

Thông tin về các Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

STT Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1 Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	Hà Nội	49%	50%	Dịch vụ đại lý vận chuyển hàng hóa; Dịch vụ thông quan; Dịch vụ kho bãi Container; Dịch vụ chế tạo và bán loại xe chở ô tô
2 Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam	Bắc Giang	20%	20%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 276 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 271 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10
Tài sản cố định khác	03

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau (Nếu có):

Số năm

Phương tiện vận tải

10 - 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm quản lý tàu. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho Công ty trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu khác như chi phí lãi tiền vay dự kiến phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ (tiếp theo)**

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	802.686.850	4.022.817.821
Tiền gửi ngân hàng	26.610.365.358	5.682.205.848
Cộng	27.413.052.208	9.705.023.669

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Sở giao dịch	1.607.375.634	1.607.375.634	1.495.679.417	1.495.679.417
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	1.763.000.000	1.763.000.000	7.513.000.000	7.513.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	7.000.000.000	7.000.000.000	520.000.000	520.000.000
Cộng	10.370.375.634	10.370.375.634	9.528.679.417	9.528.679.417

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 7,6%/năm. Công ty sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ này để đảm bảo cho các khoản vay (chi tiết tại thuyết minh V.19, V.20 - Vay và nợ thuê tài chính).

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	7.111.151.113	9.192.236.412
Công ty Cổ phần Tiếp vận Hòa phát	1.476.414.000	3.347.352.000
Công ty hữu hạn Liên vận Đa phương thức Quốc tế Đường Sắt Trung Quốc	37.247.162.198	12.045.753.872
CN Công ty CP Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Nghệ An	2.247.010.869	3.740.833.597
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lào Cai	2.877.463.827	2.793.365.715
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	4.917.478.743	3.588.579.378
Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A Việt Nam	4.266.019.095	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	4.694.276.053	2.357.903.475
Công ty Cổ phần Logistic SC	332.149.152	2.252.147.511
Công ty Cổ phần Logistic Hoàng Thịnh Đạt	4.991.664.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng Miền Bắc	2.898.126.000	-
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	78.106.667.909	64.997.685.926
Cộng	151.165.582.959	104.315.857.886
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	5.063.278.743	3.588.579.378

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ TM Thiên Hà Hưng	-	1.330.982.511
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Bình	1.322.700.000	1.322.700.000
Công ty TNHH Lắp máy điện nước và TM Vạn Lộc	-	843.352.000
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.695.930.595	1.200.517.841
Cộng	3.018.630.595	4.697.552.352

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	5.331.993.667	5.185.963.790
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.351.422.376	1.804.188.800
Lãi dự thu	240.131.771	5.550.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.003.468.528	789.963.259
- Phải thu Bảo hiểm y tế	24.419.200	23.457.734
- Liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng Việt Nam	200.000.000	200.000.000
- Phải thu các đối tượng khác	1.779.049.328	566.505.525
Cộng	8.927.016.342	7.785.665.849
b. Dài hạn		
Ký cược ký quỹ dài hạn	8.795.350.000	6.085.000.000
- Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	8.775.350.000	6.075.000.000
- Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	40.000.000	10.000.000
Cộng	8.795.350.000	6.085.000.000
c. Phải thu khác là các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	1.458.807.716	1.447.757.002

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	541.011.451	564.650.273
Các khoản chi phí khác	376.303.413	510.087.111
Cộng	917.314.864	1.074.737.384
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	14.339.335.094	24.867.092.117
Chi phí sửa chữa, thi công bãi hàng ga Kép- Bắc Giang	3.863.722.343	6.718.658.977
Chi phí xây dựng hệ thống PCCC bãi hàng Ga Trảng Bom	1.475.147.953	-
Chi phí sửa chữa tòa nhà 95-97 Lê Duẩn	1.470.799.760	2.658.746.165
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	740.952.566	724.329.142
Chi phí sửa chữa toà 106 Trần Hưng Đạo	613.567.565	1.064.012.728
Chi phí sửa chữa bãi, thi công bãi hàng Ga tam giác quay	612.932.727	1.663.674.545
Chi phí sửa chữa, thi công bãi hàng Ga Đông Anh	547.198.262	1.209.271.992
Các khoản chi phí khác	1.176.872.175	2.152.657.440
Cộng	24.840.528.445	41.058.443.106

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.854.053.615	39.200.000	(1.814.853.615)	1.773.053.615	239.223.000	(1.533.830.615)
Công ty TNHH Dũng Ngọc	427.334.750	-	(427.334.750)	427.334.750	-	(427.334.750)
Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Cát Lợi GCL	381.750.000	-	(381.750.000)	381.750.000	190.875.000	(190.875.000)
Liên hiệp Hợp tác xã tiêu dùng Việt Nam	200.000.000	-	(200.000.000)	200.000.000	-	(200.000.000)
Nguyễn Hà Thái	181.400.000	-	(181.400.000)	181.400.000	-	(181.400.000)
Công ty TNHH Unilever Việt Nam	126.596.440	-	(126.596.440)	126.596.440	-	(126.596.440)
Đối tượng khác	536.972.425	39.200.000	(497.772.425)	455.972.425	48.348.000	(407.624.425)
b. Trả trước cho người bán ngắn hạn	54.290.000	-	(54.290.000)	54.290.000	-	(54.290.000)
Công ty Vận tải hành khách Đường sắt Sài Gòn	54.290.000	-	(54.290.000)	54.290.000	-	(54.290.000)
c. Phải thu ngắn hạn khác	84.917.473	-	(84.917.473)	84.917.473	-	(84.917.473)
Ông Hoàng Thanh Long	41.700.000	-	(41.700.000)	41.700.000	-	(41.700.000)
Đối tượng khác	43.217.473	-	(43.217.473)	43.217.473	-	(43.217.473)
Cộng	1.993.261.088	39.200.000	(1.954.061.088)	1.912.261.088	239.223.000	(1.673.038.088)

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị dự phòng đã trích lập.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	4.476.195.720	-	4.940.037.850	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.324.637.037	-	511.297.037	-
Cộng	5.800.832.757	-	5.451.334.887	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	27.781.016.161	2.394.362.691	157.407.417.364	1.237.362.763	221.000.000	189.041.158.979
Mua trong năm	-	30.000.000	33.868.378.552	-	65.180.000	33.963.558.552
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(12.133.737.956)	-	-	(12.133.737.956)
Số dư cuối năm	27.781.016.161	2.424.362.691	179.142.057.960	1.237.362.763	286.180.000	210.870.979.575
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	19.238.693.989	1.224.424.536	47.862.652.870	815.197.465	120.000.000	69.260.968.860
Khấu hao trong năm	1.783.730.512	258.208.190	15.768.393.510	111.036.800	38.331.949	17.959.700.961
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(243.782.863)	-	-	(243.782.863)
Số dư cuối năm	21.022.424.501	1.482.632.726	63.387.263.517	926.234.265	158.331.949	86.976.886.958
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	8.542.322.172	1.169.938.155	109.544.764.494	422.165.298	101.000.000	119.780.190.119
Tại ngày cuối năm	6.758.591.660	941.729.965	115.754.794.443	311.128.498	127.848.051	123.894.092.617

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 13.475.578.911 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8.500.251.978 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 88.537.225.734 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 101.429.133.700 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	37.501.536.437	37.501.536.437
Thuê tài chính trong năm	20.529.071.833	20.529.071.833,00
Số dư cuối năm	58.030.608.270	58.030.608.270
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	2.292.225.817	2.292.225.817
Khấu hao trong năm	2.859.038.007	2.859.038.007
Số dư cuối năm	5.151.263.824	5.151.263.824
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	35.209.310.620	35.209.310.620
Tại ngày cuối năm	52.879.344.446	52.879.344.446

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các tài sản thuê tài chính sau:

- 40 toa xe thành cao H21, loại H khổ đường 1000mm, toa xe đa năng kết hợp chở hàng rời và container 40". Đến cuối giai đoạn thuê của hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những tài sản cố định này theo các điều khoản của các hợp đồng thuê tài chính (Thuyết minh số V.20).
- 10 container đông lạnh, cải tạo tân trang và lắp ráp năm 2024 tại Việt Nam phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá trị mua lại là 1% giá mua. (Thuyết minh số V.20).

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	2.071.170.000	2.071.170.000
Mua trong năm	2.128.000.000	2.128.000.000
Số dư cuối năm	4.199.170.000	4.199.170.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	1.516.917.033	1.516.917.033
Khấu hao trong năm	210.205.295	210.205.295
Số dư cuối năm	1.727.122.328	1.727.122.328
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	554.252.967	554.252.967
Số dư cuối năm	2.472.047.672	2.472.047.672

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.436.170.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 529.170.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜI DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thiết kế, đóng mới 50 xe Mc 40	764.743.980	13.747.969.893
Dự án sửa chữa bãi hàng ga Kim Liên	212.996.805	212.996.805
Chi phí khác	313.692.727	6.180.729.114
Cộng	1.291.433.512	20.141.695.812

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số đầu năm		Các khoản được điều chỉnh tăng/giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trong năm		Số cuối năm	
	Giá gốc của khoản đầu tư	Giá trị theo phương pháp VCSH	Khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/lỗ của công ty liên doanh, liên kết trong năm	Phân phối lợi nhuận của Công ty liên kết, liên doanh trong năm	Giá gốc của khoản đầu tư	Giá trị theo phương pháp VCSH
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics (i)	7.857.150.000	7.328.164.917	(2.222.305.604)	-	7.857.150.000	5.105.859.313
Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam (ii)	-	-	(49.287.580)	-	5.752.800.000	5.703.512.420
Cộng	7.857.150.000	7.328.164.917	(2.271.593.184)	-	13.609.950.000	10.809.371.733

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thu thập được thông tin để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết nêu trên. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

- (i) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH NR Greenlines Logistics theo Hợp đồng liên doanh ngày 26/12/2007 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt và Nissin Corporation. Theo đó, Công ty góp 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH NR Greenlines Logistics với số tiền 490.000 USD, quy đổi là 7.857.150.000 VND.
- (ii) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt và New Silk Road Transportation Investment Pte.Ltd theo Nghị quyết HĐQT số 12/05/NQ-RAT-HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2023. Theo đó, Công ty góp 20% vốn điều lệ của Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam với số tiền 240.000 USD, quy đổi là 5.752.800.000 đồng. Đồng thời, ủy quyền cho ông Trần Thế Hùng - Tổng Giám đốc Công ty và ông Nguyễn Hoàng Thanh - Phó Tổng Giám đốc Công ty tham gia HĐQT và là người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.851.878.472	1.851.878.472	36.007.953.898	36.007.953.898
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	64.616.186.962	64.616.186.962	51.887.765.514	51.887.765.514
Cộng	66.468.065.434	66.468.065.434	87.895.719.412	87.895.719.412
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	2.003.822.589	2.003.822.589	36.557.953.898	36.557.953.898

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ vận tải Vương Mạnh Tân	3.951.041	3.951.041	145.569.884	145.569.884
Công ty TNHH Vận tải Thương Mại Bằng Phú	102.316.000	102.316.000	135.840.000	135.840.000
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Vận tải Đức Văn	151.121.211	151.121.211	102.568.971	102.568.971
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.210.660.089	1.210.660.089	525.677.079	525.677.079
Cộng	1.468.048.341	1.468.048.341	909.655.934	909.655.934

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	trong năm VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	46.463.022	5.525.828.147	5.534.390.246	37.900.923
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.798.307	29.423.894	10.621.375	33.600.826
Thuế thu nhập cá nhân	55.000	5.103.458	-	5.158.458
Cộng	61.316.329	5.560.355.499	5.545.011.621	76.660.207
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	48.932.184	57.156.125.855	57.242.663.150	135.469.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.004.759.092	3.044.410.473	626.899.709	587.248.328
Thuế thu nhập cá nhân	572.076.796	2.070.459.521	1.902.884.587	404.501.862
Thuế nhà thầu	195.130.648	1.156.499.517	1.766.269.174	804.900.305
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	5.296.449.616	20.177.577.346	20.688.341.343	5.807.213.613
Cộng	9.117.348.336	83.605.072.712	82.227.057.963	7.739.333.587

(i) Trong đó, số dư phải nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là 5.293.397.907 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí dịch vụ vận tải	7.666.989.160	6.929.934.034
Chi phí lãi vay	6.057.073.379	6.159.979.444
Chi phí khác	654.414.837	1.200.000
Cộng	14.378.477.376	13.091.113.478

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	347.279.725	325.873.905
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	36.080.826	37.070.989
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	420.000.000	195.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	4.684.766.349	4.553.308.997
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (i)	3.147.321.000	3.149.163.000
- Phải trả cổ tức	-	979.000.000
- Các khoản phải trả khác	1.537.445.349	425.145.997
Cộng	5.488.126.900	5.111.753.891
b. Phải trả khác là các bên liên quan	3.147.321.000	3.149.163.000
(Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.1)		

- (i) Trong đó phải trả cổ tức và các khoản phải trả khác cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với số tiền 3.147.321.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	107.944.388.840	107.944.388.840	277.991.920.964	206.947.532.124	36.900.000.000	36.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (i)	35.000.000.000	35.000.000.000	139.536.709.920	139.436.709.920	34.900.000.000	34.900.000.000
- Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam (ii)	6.000.000.000	6.000.000.000	8.000.000.000	2.000.000.000	-	-
- Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch - PGD Hàng Vôi (iii)	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Ba Đình (iv)	33.901.139.640	33.901.139.640	93.870.191.368	59.969.051.728	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (v)	1.086.793.200	1.086.793.200	4.628.563.676	3.541.770.476	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (vi)	386.456.000	386.456.000	386.456.000	-	-	-
- Vay cá nhân (vii)	15.570.000.000	15.570.000.000	15.570.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng: Vay dài hạn đến hạn trả	67.485.159.086	67.485.159.086			47.737.501.043	47.737.501.043
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	175.429.547.926	175.429.547.926			84.637.501.043	84.637.501.043
Vay và nợ thuê tài chính với bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	6.000.000.000	6.000.000.000			-	-

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển theo Hợp đồng vay vốn số 106.276/24/DN ngày 27/08/2024, hạn mức vay là 35 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ không quá 03 tháng. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 240-31/12/2020/HĐTGCK-PGB ký ngày 31/12/2020 số tiền 1.763.000.000 đồng; 01 xe tải pickup cabin kép nhãn hiệu Mazda số loại BT50 số tiền 192.000.000 đồng và 01 xe nâng nhãn hiệu KALMAR DC4160RS số tiền 1.096.000.000 đồng; 13 toa xe thành cao tổng giá trị 12.720.700.000 đồng, tổng giá trị của tài sản đảm bảo là 15.771.700.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (TIẾP THEO)**

- (ii) Khoản vay Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn số 20240614/NSR-RAT2024 ngày 14/6/2024, số tiền vay là 6 tỷ đồng, thời gian vay 12 tháng kể từ ngày 24/6/2024 đến 24/6/2025. Lãi suất vay 7%/năm. Mục đích vay để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Liên doanh Việt Nga theo Hợp đồng tín dụng số 01.01/2024/102227/HĐTDCT ngày 30/12/2024, hạn mức tín dụng 35 tỷ đồng, số tiền vay là 16 tỷ đồng, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 6,8%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt và các dịch vụ hỗ trợ liên quan.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/CTD/VCBBD-RATRACO ngày 28/02/2024, hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất thay đổi theo từng khung ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo của khoản vay bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của các hợp đồng này là 7 tỷ đồng (bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 2002/2024/VCB-RATRACO ngày 20/02/2024 số tiền 3 tỷ đồng, lãi suất 4,2%/năm, thời hạn gửi 12 tháng; Hợp đồng tiền gửi số 0703/2024/VCB-RATRACO ngày 7/3/2024 số tiền 1 tỷ, lãi suất 4,2%/năm, thời hạn gửi 12 tháng; Hợp đồng tiền gửi số 2506/2024/VCB-RATRACO ngày 25/06/2024 số tiền 2 tỷ đồng, lãi suất 4,1%/năm, thời hạn gửi 12 tháng; Hợp đồng tiền gửi số 04/2024/VCB-RATRACO ngày 22/07/2024 số tiền 1 tỷ đồng, lãi suất 4,1%/năm, thời hạn gửi 12 tháng).
- (v) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 258639.24.202.36000421.TD ngày 28/11/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Giải pháp Vận tải Ratraco. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của Công ty, hạn mức tín dụng là 3 tỷ đồng. Thời gian cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 08/11/2024, lãi suất theo quy định của MB theo từng thời kỳ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (vi) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00026966.16913/2024/HĐTD ngày 29 tháng 08 năm 2024. Hạn mức tín dụng tối đa là 1.428.000.000 đồng. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh/phát hành bảo lãnh/LC của doanh nghiệp. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 18 tháng 08 năm 2027. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng, lãi suất, phí được xác định theo từng Giấy nhận nợ/ khung ước vay cụ thể. Biện pháp bảo đảm là tài sản của Công ty bao gồm phương tiện vận tải của công ty.
- (vii) Các khoản vay cá nhân theo các hợp đồng tín dụng có thời hạn vay từ 01 - 12 tháng. Lãi suất vay từ 8%-18%/năm (với các khoản vay cá nhân có thời hạn vay từ 01-03 tháng, lãi suất vay 18%, nếu cá nhân có nhu cầu rút vốn trước hạn thì mức lãi suất sẽ được quy định thấp hơn). Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	115.865.606.937	115.865.606.937			129.794.347.973	129.794.347.973
- Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch - PGD Hàng Vôi (i)	41.716.690.493	41.716.690.493	-	10.827.283.428	52.543.973.921	52.543.973.921
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (ii)	108.315.000	108.315.000	-	260.004.000	368.319.000	368.319.000
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (iii)	779.381.444	779.381.444	-	148.453.608	927.835.052	927.835.052
- Vay cá nhân (iv)	73.261.220.000	73.261.220.000	27.013.000.000	29.706.000.000	75.954.220.000	75.954.220.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	37.173.227.584	37.173.227.584	21.326.193.422	11.418.370.221	27.265.404.383	27.265.404.383
- Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (v)	37.173.227.584	37.173.227.584	21.326.193.422	11.418.370.221	27.265.404.383	27.265.404.383
Cộng	153.038.834.521	153.038.834.521	48.339.193.422	52.360.111.257	157.059.752.356	157.059.752.356
Trừ: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	67.485.159.086	67.485.159.086			47.737.501.043	47.737.501.043
- Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch - PGD Hàng Vôi	10.827.283.428	10.827.283.428			10.827.283.428	10.827.283.428
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	108.315.000	108.315.000			260.004.000	260.004.000
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	148.453.608	148.453.608			148.453.608	148.453.608
- Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.152.887.050	10.152.887.050			6.365.760.007	6.365.760.007
- Vay cá nhân	46.248.220.000	46.248.220.000			30.136.000.000	30.136.000.000
Cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn	85.553.675.435	85.553.675.435			109.322.251.313	109.322.251.313

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

(i) Khoản vay Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch - Phòng giao dịch Hàng Vôi theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng theo món số 01/2020/102227/HĐTD ngày 23 tháng 10 năm 2020, số tiền vay là 34.296.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 120 tháng. Mục đích vay để đầu tư dự án "Thiết kế, đóng mới 50 toa xe hàng Mc45 năm 2019". Lãi suất vay điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo lãi Ngân hàng. Gốc và lãi vay được trả định kỳ 01 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2020/102227/HĐBĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 và văn bản kèm theo giữa Công ty CP Vận tải và Thương mại Đường sắt và Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga, giá trị tài sản đảm bảo đã hình thành là 52.760.293.334 đồng. Số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18.789.728.000 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng theo món số 01/2021/102227/HĐTD ngày 25 tháng 11 năm 2021, số tiền vay là 19.993.350.000 đồng, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Mục đích vay để đầu tư dự án "Thiết kế, đóng mới 15 toa xe hàng P42m3 và 10 Iso tank". Lãi suất vay điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo lãi Ngân hàng. Gốc và lãi vay được trả định kỳ 01 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/102227/HĐBĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa Công ty CP Vận tải và Thương mại Đường sắt và Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga, giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 25.381.363.334 đồng. Số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.844.000.000 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng theo món số 01/2023/102227/HĐTD ngày 17 tháng 10 năm 2023, số tiền vay là 22.778.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Mục đích vay để đầu tư dự án "Thiết kế, đóng mới 25 toa xe Mc40". Lãi suất vay điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo lãi Ngân hàng. Gốc và lãi vay được trả định kỳ 01 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/102227/HĐBĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 giữa Công ty CP Vận tải và Thương mại Đường sắt và Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga, giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 30.111.131.500 đồng. Số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 16.082.962.493 đồng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng số 24504.20.051.1166868.TD ngày 02 tháng 06 năm 2020. Số tiền vay là 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng bán hàng số CPO HN-E200-50LD147.58 ngày 14 tháng 05 năm 2020. Lãi suất vay được quy định tại từng văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô Mercedes Benz E200 và các điều kiện khác.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số HDTD/LTT/CRL/24022022-2818784995 ngày 24 tháng 2 năm 2022, số tiền vay là 1.200.000.000 đồng. Công ty vay để mua xe ô tô PEUGEOT TRAVELLER VEAHXX-01/7R. Thời gian vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,4%/năm. Công ty sử dụng chính tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô PEUGEOT TRAVELLER VEAHXX-01/7R để đảm bảo cho khoản vay này theo phụ lục hợp đồng số HĐTC/LTT/CRL/24022022-2818784995.
- (iv) Vay cá nhân theo các hợp đồng tín dụng có thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất vay từ 4,3%/năm đến 12%/năm theo từng hợp đồng vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Nếu cá nhân có nhu cầu rút vốn trước hạn thì mức lãi suất sẽ được quy định thấp hơn tùy từng hợp đồng cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

(v) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 2022-00270-000 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Tài sản thuê tài chính là 16 toa xe thành cao H21, loại H khổ đường 1000mm, toa xe đa năng kết hợp chở hàng rời và container 40", mới 100%, sản xuất lắp ráp, đóng mới tại Việt Nam. Giá trị tài sản dự kiến là 21.600.000.000 đồng. Lãi suất thuê tạm thời là 9,43%/năm, lãi suất có thể điều chỉnh trong suốt thời gian thuê và là lãi suất trung bình của tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Sở giao dịch. Thời hạn thuê 60 tháng từ 28 tháng 02 năm 2023 đến 27 tháng 02 năm 2028. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại thiết bị với giá trị mua lại bằng 1% giá trị tài sản không bao gồm thuế, chi phí và phí tổn khác.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 2022-00292-000 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Tài sản thuê tài chính là 14 toa xe thành cao H21, loại H khổ đường 1000mm, toa xe đa năng kết hợp chở hàng rời và container 40", mới 100%, sản xuất lắp ráp, đóng mới tại Việt Nam. Giá trị tài sản dự kiến là 18.900.000.000 đồng. Lãi suất thuê tạm thời là 9,43%, lãi suất có thể điều chỉnh trong suốt thời gian thuê và là lãi suất trung bình của tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Sở giao dịch. Thời hạn thuê 60 tháng từ 10 tháng 05 năm 2023 đến 09 tháng 05 năm 2028. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại thiết bị với giá trị mua lại bằng 1% giá trị tài sản không bao gồm thuế, chi phí và phí tổn khác.

Hợp đồng thuê tài chính số 2024-00327-000 ngày 20 tháng 12 năm 2024. Tài sản thuê tài chính là 10 toa xe thành cao H21, loại H khổ đường 1.000mm, toa xe đa năng kết hợp hàng rời và container 40", đã sử dụng và lắp ráp năm 2024. Giá tài sản dự kiến là 12.905.000.000 đồng. Lãi suất thuê tạm thời là 7,93%, lãi suất có thể điều chỉnh trong suốt thời gian thuê và là lãi suất trung bình của tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn thương Tín - Sở giao dịch. Thời hạn thuê 60 tháng từ ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến ngày 26 tháng 12 năm 2029. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại thiết bị với giá trị mua lại bằng 1% giá trị tài sản không bao gồm thuế, chi phí và phí tổn khác.

Hợp đồng thuê tài chính số 2024-00035-000 ngày 28 tháng 03 năm 2024. Mục đích vay để mua 10 container đông lạnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với giá trị 9.396.282.500 đồng. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 7,17%/năm. Giá trị mua lại là 1% giá mua.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	67.485.159.086	47.737.501.043
Trong năm thứ hai	48.222.077.694	63.416.485.651
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	34.420.509.741	39.818.985.274
Sau năm năm	2.911.088.000	6.086.780.388
Cộng	153.038.834.521	157.059.752.356
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	67.485.159.086	47.737.501.043
Số phải trả sau 12 tháng	85.553.675.435	109.322.251.313

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	59.218.410.000	194.384.000	9.737.275.811	15.268.369.698	4.912.777.839	89.331.217.348
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(9.124.650.603)	1.036.832.975	(8.087.817.628)
Do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong năm	-	-	-	-	69.883.631	69.883.631
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(728.242.186)	-	(728.242.186)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.921.841.000)	(2.199.398.821)	(8.121.239.821)
Số dư đầu năm nay	59.218.410.000	194.384.000	9.737.275.811	(506.364.091)	3.820.095.624	72.463.801.344
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	4.383.883.294	1.146.685.869	5.530.569.163
Số dư cuối năm nay	59.218.410.000	194.384.000	9.737.275.811	3.877.519.203	4.966.781.493	77.994.370.507

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Cổ phiếu	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận	
				Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bà Phạm Thị Minh Giang	1.145.300	11.453.000.000	19,34%	11.453.000.000	11.453.000.000
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.092.644	10.926.440.000	18,45%	10.926.440.000	10.926.440.000
Ông Trần Thế Hùng	972.749	9.727.490.000	16,43%	9.727.490.000	9.727.490.000
Bà Trần Thị Thu Nga	612.083	6.120.830.000	10,34%	6.120.830.000	6.120.830.000
Ông Đỗ Khánh Dư	452.980	4.529.800.000	7,65%	4.529.800.000	4.529.800.000
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	385.300	3.853.000.000	6,51%	3.853.000.000	3.853.000.000
Các cổ đông khác	1.260.785	12.607.850.000	21,29%	12.607.850.000	12.607.850.000
Cộng	5.921.841	59.218.410.000	100%	59.218.410.000	59.218.410.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.921.841	5.921.841
- Cổ phiếu phổ thông	5.921.841	5.921.841
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.921.841	5.921.841
- Cổ phiếu phổ thông	5.921.841	5.921.841
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu		

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 (hai) bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải và bộ phận cung cấp dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận vận tải: vận tải hàng hóa;

Bộ phận cung cấp dịch vụ khác: kinh doanh nhà hàng, khách sạn; dịch vụ vé tàu khách; cung cấp dịch vụ quảng cáo, xuất nhập khẩu, du lịch, thương mại hàng hóa.

Tuy nhiên, doanh thu bộ phận cung cấp dịch vụ khác chỉ chiếm 1,73% doanh thu phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 118, đường Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có một Công ty con tại thành phố Hồ Chí Minh và một Công ty con tại Bình Dương. Tuy nhiên, doanh thu các Công ty con tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương chỉ chiếm 10,46% doanh thu phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	787.553.708.561	562.092.873.767
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu kinh doanh vận tải đường sắt	348.742.448.157	285.066.022.055
- Doanh thu dịch vụ vận tải	404.435.232.350	254.916.036.129
- Doanh thu dịch vụ khác	34.376.028.054	22.110.815.583
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Chiết khấu thương mại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	787.553.708.561	562.092.873.767
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)	42.861.967.000	38.982.235.368

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn kinh doanh vận tải đường sắt	331.243.123.362	278.958.964.188
Giá vốn dịch vụ vận tải	352.237.564.331	217.503.998.904
Giá vốn dịch vụ khác	34.816.306.865	23.789.981.886
Cộng	718.296.994.558	520.252.944.978

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	820.376.265	301.405.087
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	867.523.233	2.406.787.498
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.249.841.628	-
Lãi do thoái vốn công ty con	-	420.116.368
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	623.844.981
Cộng	2.937.741.126	3.752.153.934

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	17.928.400.317	17.286.797.341
Chiết khấu thanh toán	151.944.117	550.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	811.953.677	302.622.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.098.118	-
Chi phí tài chính khác	145.943.411	225.048.600
Cộng	19.085.339.640	18.364.468.221

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**MÃ SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.671.367.999	4.241.989.951
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	237.727.623	262.891.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.845.000	643.949.299
Chi phí khác bằng tiền	6.680.803.375	6.443.884.053
Cộng	11.845.743.997	11.592.715.238

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.092.939.616	14.112.836.742
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.897.153.979	1.368.707.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.602.502.498	1.342.171.227
Thuế, phí và lệ phí	54.827.229	55.350.448
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng	281.023.000	463.922.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.641.999.070	1.934.452.676
Chi phí khác bằng tiền	7.620.332.837	6.934.812.346
Cộng	29.190.778.229	26.212.253.553

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	39.891.741	4.522.923.935
Xử lý công nợ vào thu nhập khác	29.508.200	75.954.809
Thu nhập từ khoản phạt nhận được	144.263.940	-
Các khoản thu dịch vụ lưu kho và thu nhập khác	523.153.409	2.067.715.885
Cộng	736.817.290	6.666.594.629

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt, tiền chậm nộp thuế	705.343.810	48.262.863
Các khoản phạt và bồi thường vận chuyển	66.049.767	266.368.316
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	107.892	3.554.216
Các khoản chi phí dịch vụ lưu kho và chi phí khác	711.628.921	786.952.256
Cộng	1.483.130.390	1.105.137.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	1.988.212.731	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành của các Công ty con	1.085.621.636	768.283.459
Cộng	3.073.834.367	768.283.459
b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh	450.283.449	10.816.914
Cộng	450.283.449	10.816.914

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.383.883.294	(9.124.650.603)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	4.383.883.294	(9.124.650.603)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.921.841	5.921.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	740	(1.541)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	740	(1.541)

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2024, do đó lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa được điều chỉnh phần quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- (*) Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.124.568.723	38.008.307.012
Chi phí nhân công	54.165.310.809	49.986.435.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.028.944.263	20.452.353.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	586.708.103.021	416.954.091.138
Chi phí khác bằng tiền	16.218.994.520	32.653.506.947
Cộng	757.245.921.336	558.054.693.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Cổ đông lớn
Bà Phạm Thị Minh Giang	Cổ đông lớn
Ông Trần Thế Hùng	Cổ đông/Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Nga	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Cổ đông lớn
Ông Đỗ Khánh Dư	Cổ đông lớn
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	Công ty liên doanh
Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam	Công ty liên kết
Các thành viên trong HĐQT, Ban Tổng Giám đốc	
Và các cá nhân thân cận trong gia đình các bên liên quan	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng		
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	42.321.967.000	38.982.235.368
Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam	540.000.000	-
Cộng	42.861.967.000	38.982.235.368
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	282.908.342.153	239.539.922.708
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	80.000.000	27.900.000
Cộng	282.988.342.153	239.567.822.708
Vay trong năm		
Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam	8.000.000.000	-
Cộng	8.000.000.000	-
Trả gốc vay trong năm		
Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam	2.000.000.000	-
Cộng	2.000.000.000	-
Chi phí lãi vay		
Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam	250.000.000	-
Cộng	250.000.000	-
Lãi vay đã trả trong năm		
Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam	40.000.000	-
Cộng	40.000.000	-
Cổ tức đã thu được trong năm		
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	-	4.720.488.054
Cộng	-	4.720.488.054
Cổ tức đã trả trong năm		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	1.092.644.000
Các cổ đông khác	-	4.829.197.000
Cộng	-	5.921.841.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	4.917.478.743	3.588.579.378
Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam	145.800.000	-
Cộng	5.063.278.743	3.588.579.378
Tạm ứng		
Ông Đỗ Khánh Dư	298.805.430	238.729.430
Ông Nguyễn Hoàng Thanh	234.561.200	222.297.500
Bà Trần Thị Xuân	293.157.124	293.157.124
Ông Nguyễn Trường Giang	632.283.962	693.572.948
Cộng	1.458.807.716	1.447.757.002
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.851.878.472	36.007.953.898
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	151.944.117	550.000.000
Cộng	2.003.822.589	36.557.953.898
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	3.147.321.000	3.149.163.000
Cộng	3.147.321.000	3.149.163.000
Các khoản vay		
Công ty TNHH New Silk Road Supply Chain Việt Nam	6.000.000.000	-
Cộng	6.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị (*)	-	264.082.912
Ông Mai Hoàng Long	-	57.409.328
Ông Trần Thế Hùng	-	51.668.396
Bà Trần Thị Thu Nga	-	51.668.396
Ông Đỗ Khánh Dư	-	51.668.396
Bà Phạm Thị Quyên	-	51.668.396
Thù lao của Ban kiểm soát (*)	-	143.523.320
Bà Trần Thị Xuân	-	51.668.396
Ông Diệp Anh Tuấn	-	45.927.462
Ông Nguyễn Trường Giang	-	45.927.462
Tiền lương của Ban TGD và người quản lý khác	2.816.848.000	2.630.392.000
Ông Trần Thế Hùng	498.421.000	468.651.000
Ông Nguyễn Hoàng Thanh	482.256.000	423.248.000
Bà Trần Thị Thu Nga	454.033.000	447.248.000
Ông Mai Hoàng Long	482.256.000	447.248.000
Ông Nguyễn Xuân Hùng	476.817.000	441.968.000
Bà Phạm Thị Quyên	423.065.000	402.029.000
Cộng	2.816.848.000	3.037.998.232

- (*) Nghị quyết số 01/2024/RAT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 05 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 với số tiền 70.839.774 đồng (bằng 5% LNST của Công ty mẹ) và kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 với số tiền tối đa 5% LNST năm 2024 của Công ty mẹ.

Theo đó trong năm 2024, Công ty đã ghi nhận phải trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát số tiền là 153.172.521 đồng. Số tiền này đã được Công ty bù trừ với số đã tạm thanh toán trong năm 2022 là 111.281.923 đồng, số tiền còn lại phải thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 41.890.608 đồng. Trong năm 2024, Công ty chưa thanh toán thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát số tiền thù lao còn lại nêu trên.

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu



Phạm Thị Quyên
Kế toán trưởng



Trần Thế Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

